

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST

Ngày 24/3/2021

V/v: “*Tranh chấp về bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Vân;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Minh Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân tham gia phiên tòa:

+ Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong 02 ngày 22 tháng 12 năm 2020 và ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự đã thụ lý số: 20/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Văn Anh Tr, sinh năm 1980; Dương Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn K, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Nguyên đơn có mặt, các bị đơn vắng mặt (lần 02).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 1990 bà T khai hoang đất để trồng mì, lang muru sinh, vùng đất có tục danh là Hóc Máng thuộc: Đội 4, thôn Đ, xã H, huyện Hoài Ân. Vùng đất này có các giới cận: Đông giáp đất rẫy ông Lê Mai T; Tây giáp đất rẫy của ông Huỳnh Ngọc H; Nam giáp suối nước; Bắc giáp rừng nguyên sinh. Năm 2008, bà T có thỏa thuận cho con rể là Văn Anh Tr ở thôn K, xã T, huyện Hoài Ân mượn để trồng cây keo lai trong thời gian 10 năm đến năm 2018 thì trả, chỉ thỏa thuận miệng, không ghi giấy; còn lại khoảng 05.5 sào bà T trồng cây keo đã khai thác 01 đợt, trồng lại đợt thứ 02 được 03 năm tuổi. Nhưng khi hết hạn mượn, ông Tr không trả nên bà T cho công đến trồng ngày 23/10/2018 với số lượng là 3.500 cây keo lai, đến ngày 24/10/2018 vợ chồng ông Tr, bà N đến nhổ cây keo lai của bà T mới trồng là 3.500 cây. Tiếp theo đó, ông Tr chặt phá của bà T 53 cây keo trồng 03 năm tuổi ở phần đất kế bên gây thiệt hại cho bà T. Bà T khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết buộc ông Văn Anh Tr bồi thường cho bà T giá trị bằng tiền của 53 cây keo bị chặt, giá trị 2.650.000 đồng. Ông Tr, bà N phải bồi thường cho bà Trâm giá trị bằng tiền của 3.500 cây keo lai mới trồng, giá trị 6.500.000 đồng như Tòa án đã định giá theo quy định của pháp luật.

- Bên bị đơn, ông Văn Anh Tr, bà Dương Thị N trình bày:

Ông Tr, bà N thừa nhận là ông Tr có chặt của bà T 53 cây keo lai trồng được 03 năm tuổi. Ông Tr và bà N có nhổ 3.500 cây keo lai của bà T mới trồng (lý do: Trồng trên đất rẫy của ông Tr, bà N). Ông Tr, bà N đồng ý bồi thường cho bà T với điều kiện bà T phải bồi thường 06 cây mít mà ông Tr, bà N trồng được 10 năm tuổi, bà T đã bán cho người khác.

Kết quả Hội đồng định giá xác định giá trị của tài sản:

+ 3.500 cây keo lai mới trồng, giá 6.500.000 đồng gồm (3.500 cây x 600 đồng/cây = 2.100.000 đồng; công trồng: 15 công nam giới x 200.000 đồng/công = 3.000.000 đồng; 10 công nữ giới x 140.000 đồng/công = 1.400.000 đồng);

+ 53 cây keo lai trồng 03 năm tuổi x 50.000 đồng/01 cây = 2.650.000 đồng;

Tổng cộng bằng 9.150.000 đồng.

- Tại Văn bản số: 22/CQĐT-ĐTTH ngày 25/02/2021 của Cơ quan Cảnh Sát Điều Tra Công an huyện Hoài Ân, xác định: Không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi của Văn Anh Tr, Dương Thị N về dấu hiệu của tội phạm “*Hủy hoại tài sản*”.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tố tụng: Thẩm phán giải quyết vụ án, Thư ký tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ pháp luật. Trong vụ án này, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, cần rút kinh nghiệm cho vụ án khác.

+ Về hướng giải quyết vụ án: Nguyên đơn đưa ra yêu cầu là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Vào năm 1990 bà T khai hoang đất để trồng mì, lang mừ sinh, có nhiều người biết. Vào năm 2008, bà Nguyễn Thị T ở: thôn Đ, xã H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định và ông Văn Anh Tr (con rể bà T) ở: Thôn K, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định có thỏa thuận miệng với nhau là bà T cho ông Tr mượn vùng đất có tục danh là Hóc Máng thuộc: Thôn Đ, xã H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định. Vùng đất này có các giới cận: Đông giáp đất rẫy ông T; Tây giáp đất rẫy của ông H; Nam giáp suối nước; Bắc giáp rừng nguyên sinh. Còn lại khoảng 05.5 sào bà T trồng cây keo lai trong thời gian 10 năm. Đến hạn trả đất năm 2018, ông Tr không trả, ngày 23/10/2018, bà T cho công đến trồng với số lượng là 3.500 cây keo lai tại vùng đất nói trên, đến ngày 24/10/2018 vợ chồng ông Tr, bà N đến nhổ cây keo lai của bà Tr mới trồng gây thiệt hại 3.500 cây. Ông Tr chặt phá của bà T 53 cây keo trồng 03 năm tuổi ở phần đất kế bên gây thiệt hại cho bà Tr là đúng thực tế. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Văn Anh Tr bồi thường cho bà T giá trị của 53 cây keo trồng được 03 năm tuổi bằng 2.650.000 đồng. Yêu cầu bà N, ông Tr phải bồi thường cho bà T giá trị của 3.500 cây keo mới trồng bằng 6.500.000 đồng.

- Về Thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án và xác định đây là *“Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”* quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án tiến hành việc giao nhận tài liệu, chứng cứ; xác minh, thu thập chứng cứ; tiến hành các phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ; hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quyền, nghĩa vụ của đương sự: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật, bị đơn không yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng ông Tr, bà N không có mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T:

- Theo bà T, vùng đất có tục danh là Hóc Máng thuộc: Thôn Đ, xã H, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định là do bà T khai hoang trồng cây ai cũng biết. Sau này bà T trồng cây keo thì bị vợ chồng ông Tr, bà N nhổ phá 3.500 cây keo lai mới trồng; ông Tr chặt phá của bà T 53 cây keo 03 năm tuổi. Hành vi của ông Tr, bà N là trái pháp luật, xâm hại đến tài sản của bà T nên bà T yêu cầu ông Tr, bà N bồi thường thiệt hại về tài sản là có cơ sở; Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Căn cứ biên bản xác định giá trị tài sản ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá: 3.500 cây keo lai, giá 6.500.000 đồng; cần buộc ông Tr, bà N phải liên đới bồi thường cho bà T (mỗi người 3.250.000 đồng). Ông Tr phải bồi thường cho bà T 53 cây keo 03 năm tuổi, giá 2.650.000 đồng.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn Văn Anh Tr, Dương Thị N:

- Tại tòa, ông Tr và bà N đồng ý có hành vi gây thiệt hại cho bà T là đúng, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, ông Tr, bà N nêu ra điều kiện là T phải bồi thường cho vợ chồng ông Tr, bà N 06 cây mít trồng 10 năm tuổi mà bà T đã bán cho người khác. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Tr, bà N phải làm đơn yêu cầu giải quyết; cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh 06 cây mít là sở hữu của vợ chồng ông Tr, bà N. Nhưng vợ chồng ông Tr không cung cấp chứng cứ, cố tình không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nên không có sở để xem xét trong vụ án này.

[4]. Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử ghi nhận, rút kinh nghiệm cho vụ án khác.

- Về hướng giải quyết: Nguyên đơn đưa ra yêu cầu là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5]. Từ các căn cứ nêu trên; Hội đồng xét xử giải quyết như sau:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

+ Buộc ông Văn Anh Tr bồi thường cho bà T số tiền gồm (3.250.000 đồng + 2.650.000 đồng, bằng 5.900.000 đồng); bà Dương Thị N bồi thường cho bà T số tiền 3.250.000 đồng.

+ Áp dụng Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để tuyên buộc bị đơn chịu lãi phát sinh với số tiền chậm thi hành án.

[6]. Về chi phí định giá tài sản: Buộc vợ chồng ông Tr, bà N phải trả lại cho bà T 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí định giá.

[7]. Về án phí sơ thẩm dân sự: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc vợ chồng ông Tr, bà N chịu.

Vì các lẽ trên; Căn cứ vào khoản 1 Điều 235, khoản 1 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 357, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

- Buộc ông Văn Anh Tr bồi thường cho bà T số tiền 5.900.000 đồng; bà Dương Thị N bồi thường cho bà T số tiền 3.250.000 đồng.

- Buộc vợ chồng ông Tr, bà N phải trả lại cho bà T 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí định giá.

Kể từ ngày người được thi hành án (bà Nguyễn Thị T) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án (bà Dương Thị N, ông Văn Anh Tr) còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Ông Văn Anh Tr nộp 300.000 đồng, bà Dương Thị N nộp 300.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 300.000 đồng tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007886 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Ân.

3. Các bên đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu (HSVA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Vân